

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 (tính đến tháng 6/ 2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	948	117	117	89	58	204	207	156
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	60.63%	53.85%	70.94%	58.43%	56.90%	63.24%	67.15%	81.41%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	32.02%	39.32%	24.79%	29.21%	36.21%	27.45%	23.19%	17.31%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	7.35%	6.84%	4.27%	12.36%	6.90%	7.84%	9.66%	1.28%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	1.47%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	947	117	117	88	58	204	207	156
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	14.47%	9.40%	18.80%	18.18%	10.34%	5.39%	4.35%	18.59%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	32.89%	35.04%	28.21%	26.14%	48.28%	24.51%	24.64%	64.74%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	51.84%	53.85%	52.14%	55.68%	41.38%	68.14%	71.01%	16.67%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0.79%	1.71%	0.85%	0.00%	0.00%	1.96%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	948	117	117	89	58	204	207	156
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	99.05%	98.29%	99.15%	100.00%	100.00%	97.06%	100.00%	100.00%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	0.53%	0.00%	0.85%	3.37%	1.72%	0.00%	0.00%	0.00%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	10.44%	9.40%	17.95%	14.61%	8.62%	5.39%	4.35%	18.59%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3.9%	9.40%	6.84%	6.74%	0.00%	3.92%	1.93%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.95%	1.71%	0.85%	0.00%	0.00%	2.94%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.42%	0.00%	0.85%	1.12%	0.00%	0.00%	0.97%	0.00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	3	0	0	0	2	0	0	1
1	Cấp tỉnh/ thành phố	3	0	0	0	2	0	0	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	214	0	0	0	58	0	0	156
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)								
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)								
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)								
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng						0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	497	50	56	48	27	115	113	88
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	288	18	15	11	6	85	91	62

Kon tum ngày 30/6/2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Bình